

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN NHƠN TRẠCH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 126/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11/9/2023.

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quốc Hoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Trao.

Bà Lê Thị Kim Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 229/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 808/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm 1996.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ C, ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà A, ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ C, ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H và anh T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Văn T tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện

N, tỉnh Đồng Nai. Quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Phía gia đình anh T không tôn trọng chị và gia đình chị. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng hơn nên đến tháng 11 năm 2022 vợ chồng đã sống ly thân, chị chuyển về sinh sống với cha mẹ ruột tại ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian ly thân vợ chồng không bàn bạc đoàn tụ. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Dương Ngọc Thảo H1, sinh ngày 14/6/2017 và Dương Ngọc Thảo M, sinh ngày 20/01/2021. Nếu ly hôn chị H yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Chị H khai không có;

Tại bản tự khai và lời khai trong quá trình giải vụ án bị đơn anh Dương Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh và chị H có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống do bất đồng quan điểm sống. Hiện cả hai đã ly thân không còn sống chung với nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của cô H.

Về con chung: Anh và chị H có hai con chung Dương Ngọc Thảo H1, sinh ngày 14/6/2017 và Dương Ngọc Thảo M, sinh ngày 20/01/2021, anh yêu cầu được nuôi cháu H1, giao cháu M cho chị H nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Anh T khai không có;

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh T. Về con chung giao cháu Dương Ngọc Thảo M, sinh ngày 20/01/2021 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Dương Ngọc Thảo H1, sinh ngày 14/6/2017 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Dương Văn T có nơi cư trú tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, chị H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T. Đây là tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 59/2016 ngày 09 tháng 9 năm 2016 nên là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống, chị H và anh T có những bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện cả hai đã ly thân không còn sống chung với nhau. Chị H yêu cầu được ly hôn, anh T cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy điều kiện để chị H và anh T đoàn tụ chung sống với nhau là không còn, tình trạng của vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Xét yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của bị đơn nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung là Dương Ngọc Thảo H1, sinh ngày 14/6/2017 và Dương Ngọc Thảo M, sinh ngày 20/01/2021. Chị H yêu cầu được nuôi cả hai con chung, còn anh T yêu cầu được nuôi cháu Dương Ngọc T1 H1 và giao cháu Dương Ngọc Thảo M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét, yêu cầu nuôi con của chị H và anh T nhận thấy: Qua xác nhận tại địa phương thể hiện chị H và anh T có mức thu nhập và chỗ ở ổn định có khả năng nuôi con. Tuy nhiên, anh T với nghề nghiệp buôn bán tại nhà nên có nhiều thời gian đưa đón cháu H1 đi học, còn chị Huỳnh đ làm công nhân với thời gian 12 tiếng một ngày nên việc chăm sóc con và đưa đón con đi học phụ thuộc vào cha mẹ của chị. Mặt khác, cháu H1 đang sống cùng anh T và được anh nuôi dạy tốt. Để không làm thay đổi về môi trường sống của cháu nên giao cháu H1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Cả anh T và chị H đều thống

nhất giao cháu Dương Ngọc T1 My chị H trực tiếp nuôi dưỡng nên ghi nhận. Chị H, anh T nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Nợ chung: Không xem xét, giải quyết;

[6] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát huyện N phù hợp chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chị Nguyễn Thị Diễm H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 277, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Diễm H đối với anh Dương Văn T về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

Cho chị Nguyễn Thị Diễm H được ly hôn anh Dương Văn T.

Về con chung: Giao cháu Dương Ngọc Thảo H1, sinh ngày 14/6/2017 cho anh Dương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng giao cháu Dương Ngọc Thảo M, sinh ngày 20/01/2021 cho chị Nguyễn Thị Diễm H trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời, anh T và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị H và anh T vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, chị H và anh T có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Diễm H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008838 ngày 16/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Chị Nguyễn Thị Diễm H đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS ND huyện Nhơn Trạch;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS huyện Nhơn Trạch;
- UBND xã (phường) nơi ĐK kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Quốc Hoàn